TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2020
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 489/2019/TLST-HNGĐ ngày 12-12-2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25-5-2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Ngọc T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số X/Y đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 18-10-2019, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đoàn Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc V tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q vào ngày 20-3-2018; quá

trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về tiền bạc, nơi ở, cách sống, không hợp về tính cách. Kể từ tháng 09-2019 anh V và chị không còn chung sống với nhau, anh V vẫn chưa làm trò trách nhiệm của một người cha, tất cả nhu cầu về điều kiện để lo cho con đều một mình chị gánh vác. Nay chị không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng chị có con chung là cháu Nguyễn Đoàn K, sinh ngày 04-01-2019, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu K, yêu cầu ông Nguyễn Quốc V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay, chị làm giáo viên tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở N, thành phố Q, thu nhập 3.800.000 đồng/tháng, thời gian làm việc theo giờ hành chính (dạy theo tiết), ở nhà cùng với cha mẹ bà tại X/Y, đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Tại bản tự khai ngày 28-02-2020, bị đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày:

Anh đồng ý với nội dung trình bày của chị T về quá trình tìm hiểu yêu thương, kết hôn và con chung của vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra xích mích trong quá trình chi tiêu cuộc sống và thi cử biên chế của chị T, nhưng anh nghĩ mâu thuẫn không lớn để vợ chồng ly hôn. Tuy vợ chồng không còn chung sống từ ngày 31-8-2019 nhưng anh vẫn thường đến chơi với vợ con. Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm lo nuôi dạy con.

Về con chung: cháu Nguyễn Đoàn K, sinh ngày 04-01-2019 hiện đang ở với mẹ. Anh mong muốn được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp chị T nuôi con, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu K mỗi tháng tối thiểu 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay, anh làm xây dựng tại Công ty Xây dựng B, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc trong giờ hành chính, ở với cha mẹ ruột tại Tổ A, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên anh có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tư cách đương sự, tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh V. Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai có quyền cản trở. Chị T và anh V đều trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị không xem xét. Chị T và anh V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Nguyễn Quốc V vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Đoàn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Quốc V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q vào ngày 20-3-2018 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh V trình bày khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 8-2019 đến nay. Anh V tuy không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T nhưng không đến hòa giải, không đến phiên tòa, cho thấy anh V không có ý muốn hòa giải đoàn tụ. Từ đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Chị T và anh V có một con chung là cháu Nguyễn Đoàn K, sinh ngày 04-01-2019. Hiện cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi, đang sống cùng chị T;

chị T có đủ khả năng, điều kiện nuôi con; anh V cũng đồng ý cấp dưỡng cho cháu K tối thiểu mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét việc giao con cho chị T nuôi dưỡng bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con, mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 7-2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi là phù hợp với nhu cầu tối thiểu của con và khả năng cấp dưỡng của anh V nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh V cấp dưỡng nuôi con đối với cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 7-2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[2.3] Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Chị T và anh V mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Ngọc T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

2. Chị Đoàn Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Quốc V.

3. Giao cháu Nguyễn Đoàn K, sinh ngày 04-01-2019 cho chị Đoàn Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Đoàn K mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 07-2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi

hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Chị Đoàn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003056 ngày 03-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Quốc V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND p. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng Ánh